

Viên-âm



Năm 12, Số 122 (8-3-2516)

CƠ-QUAN HOẰNG-PHÁP CỦA HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

Báo quán : 1B; Nguyễn-Hoàng — Huế

Bài giảng kỷ niệm

NGÀY XUẤT GIA CỦA PHẬT

Cũng như mở trang lịch sử của Phật ôn lại mẫu đời của Ngài khi xuất hiện thiêng liêng, lúc thành đạo cao cả, để un đúc cho tâm trí chúng ta những đức tánh rạng ngời và thanh tịnh; cũng như lúc tịnh tâm nhớ lại pháp âm vi diệu của Phật dạy, công hạnh lợi lạc độ sanh của Phật làm, để sửa chữa cho ta giảm bớt đến diệt sạch những ich kỷ mê lầm chứa tụ vô thì kiếp; hôm nay cũng cùng mục đích ấy, chúng ta vận lòng thành kính tri ân, cử hành lễ kỷ niệm xuất-gia của Phật.

Ngày nay là một ngày lễ mà sự hệ trọng đối với hàng Phật-tử cũng tương đương như những ngày lễ Phật giáng sinh, Phật thành đạo, Phật niết bàn. Song muốn kỷ niệm cho được xứng đáng đôi phần với ý nghĩa xuất gia của Ngài, chúng ta không thể dễ tâm niệm xuôi dòng theo tập quán thô sơ, thiếu sự suy nghĩ và tưởng nhớ đến tinh thần tu học. Quên nghĩ đến tinh thần tu học thì đối với công ơn cao dày, bản hoài chí thượng của Phật, dù chúng ta có đem hương hoa đầy cả tam thiên đại thiên thế giới mà cúng dường cũng chưa xứng đáng được. Thế nên muốn kỷ niệm hay muốn cúng dường Phật, chúng ta chớ quên hương hoa chân thật ở chính trong tâm tánh của chúng ta, hương hoa của đức từ bi, của trí bát nhã, của hạnh

vô úy, của tâm lợi tha. Chúng ta hãy tư đốt lên những thứ tâm hương, những thứ tánh hoa vô thượng ấy để cúng dường đức Pháp-Vương.

Đề có những thứ hương hoa của tâm tánh thanh tịnh ấy, trong ngày lễ hôm nay, chúng ta hãy tịnh tâm định ý, hướng về ý nghĩa của Nó mà ôn lại chí khí xuất trần, đại nguyện độ sinh của đức Bồ-Tát Tất-Đạt-Đa khi Ngài xả bỏ tất cả, xuất gia vì người.

Ngài xuất gia trong lúc đêm khuya lặng lẽ, theo Ngài chỉ có một người nghĩa bộc và bốn vô ngựa câu, nhưng bao nhiêu ý nghĩa thâm cao vĩ đại của sự xuất gia ấy đã làm cho vô lượng chúng sinh hoài cảm mãi mãi và nhờ Nó, họ tỉnh giấc hôn mê, qui đầu về giác ngộ.

Trong lịch sử của loài người thông minh nhưng đau khổ, đức Bồ-Tát Tất-Đạt-Đa là người đầu tiên đã tìm và tìm được Đạo-Diệt-Khổ, để lại cho chúng sinh những bài học thâm thiết và thực tế là chiến thắng đến diệt sạch nguyên nhân khổ não, kẻ thù chánh của kiếp chúng sinh.

Khi Ngài đắc thành tri-giác vô thượng, kết quả cứu cánh của sự xuất gia. Ngài có tuyên bố như vậy: «Người thợ làm nhà tự vô thì đến giờ, nay ta đã tìm thấy. Người thợ ấy làm đi làm lại mãi cái nhà của ta, nhưng cái nhà ấy nay ta đã phá, và ta hủy bỏ luôn người thợ. Người thợ ấy là vô minh ái dục». Bởi vậy, Ngài tuyên bố sinh tử đã hết, luân hồi cũng không còn. Và con đường đi đến kết quả ấy, chúng ta cũng đã thấy rõ trong lời Ngài tuyên bố trên, khi Ngài thành bực Đại-Giác.

Quả vị Đại-Giác mà Ngài thành tựu được đó, vốn cũng khởi nguyên từ sự xuất gia cao thượng của Ngài.

Ngài đã xuất gia khi thâm tâm của Ngài tích tụ mối từ-bi vô lượng, quả quyết giải thoát những thống khổ mà Ngài đã thấy ở chính Ngài, ở khắp mọi người mọi vật. Những hôm sau các cuộc du hành bốn phía hoàng thành Ca-tỳ-la, đã để lại cho Ngài sự xác nhận lẽ vô thường của kiếp người qua những quá trình sinh lão bệnh tử. Có ai ngờ những cảnh huống đó có được chung quanh một hoàng thành hoa lệ? Có ai ngờ được những cảnh huống đó bao vây giết hại kiếp người, kiếp sống mà con mắt chúng sinh bao giờ cũng thấy thích thú? Nên mới cảm khái vô hạn đã nổi dậy trong lòng Ngài. Và Ngài đã quyết chí xuất gia, khiến ngày mồng 8 tháng 2 này trở thành ngày đầy ý nghĩa, chói lọi muôn thuở cái chí xuất trần cứu thế của Ngài.

Sau buổi đa hội, khi cung tần mỹ nữ cũng như quan lại nhân dân cùng toàn thể vạn vật đang say sưa giấc mộng trong đêm trường bắc âm phủ kín dưới bóng tối của vô minh, thì Ngài dũng liệt đứng dậy, rũ bỏ ân ái, xa lánh ngai vàng, bước theo dấu chân của các Vị Chi-Giác trên đường Chánh-Đạo. Với lòng từ bi bình đẳng, Ngài vươn mình ra ngoài tất cả quan niệm hẹp hòi về nhân ngã bỉ thử, chủng tộc và quốc gia, mà đặt mình vào tánh bao la của bản thể thanh tịnh. Lấy việc độ sanh làm nhiệm vụ nên trên đường hoằng hóa, đi đến đâu Ngài cũng gieo rắc an vui, để lại giải thoát, thế hệ này qua thế hệ khác, giáo lý Ngài trái ngược với những kẻ thường nhân đi đến đâu là để lại tai vạ ở đó, gây mãi bất an cho muôn loài. Cho nên ôn lại cái đêm lạnh của nhân loại, đêm Ngài xuất gia, chẳng những giúp chúng ta tăng trưởng lòng từ-bi mà còn giúp chúng ta tăng thêm trí giác-ngộ để nhận rõ giá trị chân thật của mình, của muôn vật và luôn theo, nhận rõ nền Chánh pháp đi của kiếp người.

Từ lâu, vì tánh mê mờ điên đảo khiến chúng ta không giờ phút nào không mơ tưởng đến cái hạnh phúc của đau khổ biến trá do tiền tài danh vọng đưa lại thì giờ đây, giờ phút xuất gia của Đức Thế-Tôn quả là ánh sáng vĩ đại chiếu tan mây mù dày đặc, đưa chúng ta ra với mặt trời Tri-tuệ, vạch rõ cho chúng ta thấy muốn cải tạo thế giới ác trước thống khổ này trở thành thế giới thanh tịnh, an vui thì công việc trước hết là phải đoạn trừ tham ái, phải sáng suốt mà thấy cái mong manh của vật dục, giá trị của nó chẳng đem lại được gì vĩnh cửu cho chúng ta ngoài đau khổ với đau khổ. Sự nhàn thừc này lại càng cần thiết vô cùng đối với nhiệm vụ muốn hướng dẫn người, bởi vì lòng tham ái, tánh bỉ thử không thể hướng dẫn mình và người đi đến đâu ngoài sự tiêu diệt cả. Trong tất cả mọi mặt, chúng ta phải xác nhận rằng muốn đem lại đời sống an lành vĩnh cửu thì chỉ có thể dựa vào tâm lý thanh tịnh, biết cố gắng thực hành những pháp ly - dục và vô - ngã của Đức Từ-Bi đã chỉ đạo mà thôi.

Bởi vậy, mỗi lần kỷ niệm ngày xuất gia của Đức Phật là mỗi lần nhắc nhở cho chúng ta nhận thấy cái ý nghĩa của sự xả bỏ ngại vàng, giao trả bảo kiếm, cỡi bỏ hoàng bào ở sông A-nô-ma của Đức Thầy - Chí - Giác mà vừa nhận rõ tánh cách hư huyễn tai hại của vật dục, vừa nhận rõ tánh cách giải thoát quan trọng của sự xuất gia trong Chánh-pháp.

Có nhiều người lầm cho sự xuất gia là chán nản, là an ổn, là ép xác, là xa vọng. Nhưng sự thực, những sự kiên chí, chịu đựng đã phải có trong sự xuất gia, mà sự xuất gia lại còn tuyệt đối đòi hỏi những năng lực quả cảm, những nhận thức thấu triệt. Đặc biệt là phải chiến thắng dục vọng, nhất là tánh tình cầu an, nhẫn nại bao

nhiều cơ hàn và thử thách, mới mong đi đến được đoạn nào trên đường Giải-thoát quang đặng và sạch sẽ.

Bát cơm không ngon miệng, tiếng khóc của con thơ, nước mắt của người vợ, ngần ấy thôi cũng đủ trở ngại giết chết chí hướng xuất trần rồi, huống chi danh vọng và quyền qui của đế vương? Thế nhưng đức Bồ-Tát Tất-Đạt-Đa đã xả bỏ tất cả cho lòng đại bi cứu thế: Ngài đã làm một việc mà gương sáng sẽ mãi mãi treo cao cho chúng ta soi chung. Hôm nay nhờ đến sự hy sinh vô thượng của Đức Bồn-Sư là một dịp nhắc nhở cho chúng ta bồn phận phải hy sinh vì Chánh-pháp.

Trong thời buổi mạt-pháp này, nhân tâm phần nhiều chỉ nghĩ đến sự tham lam xâu xé, thì Chánh-pháp cần phải được nhiều người thực hành và truyền bá. Nhưng, những người ấy là ai? Ai là người có thể chịu đựng mọi nỗi khó khăn, khổ cực, hy sinh tất cả những thứ khó hy sinh để xuất gia, gánh vác lấy Chánh-pháp vô thượng mà giác tha và tự độ? Ai là người có chánh tín, làm người cư-sĩ nhiệt thành với Tam-Bảo như ông Tu-Đạt hay A-Dục vương? Những người ấy phải chăng là những người mà giờ đây, xả bỏ tất cả niệm nhân ngã, tánh bỉ thử, ý địa vị, lòng quyền lợi, rãi rác khắp năm châu đang đồng tâm nguyện kính cầu hướng vào Đức Từ-Bi mà thống nhất ý chí lại trong đại nguyện « Hoảng Pháp và Hộ Pháp »?

Kỷ niệm ngày xuất gia của Đức Phật hôm nay, chúng ta chớ nên quên bản hoài của Ngài để gạt bỏ tâm tánh lưu manh của mình mà nhớ lấy bồn phận thiêng liêng đối với Chánh-pháp. Cúi xin Đức Thế-Tôn từ bi chứng minh cho tâm thành của chúng con.

Nam-mô Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Thế-Tôn!

DIỄN VĂN LỄ CHU NIÊN
của
Hội Việt-Nam Phật-Học

NAM - MÔ A - DI - ĐÀ PHẬT

*Kính bạch Quý Ngài Chứng Minh Đại-Đạo-Sư,
Quý Ngài Tôn Tác trong Giáo-Hội Tăng-Già,
Thưa Quý Vị Thiện Tri Thức,*

Chúng tôi rất lấy làm vinh dự được nhân danh toàn Hội Việt-Nam Phật-Học cung tiếp quý Ngài quý vị hoan hỷ quang lâm đến đây hôm nay dự lễ kỷ-niệm Đệ nhị thập nhất chu niên của Hội chúng tôi.

Sự hiện diện của Quý Ngài và quý Vị đã giúp cho buổi lễ tăng thêm phần tôn nghiêm trang trọng. Nó còn là một sự khích lệ đầy thân ái có công-năng chuyển hơi lãng sức cho tất cả hội hữu chúng tôi trên bước đường theo đuổi tôn chỉ mục đích của Hội chúng tôi. Chúng tôi xin thay mặt toàn thể hội hữu kính cảm tỏ lòng cảm tạ.

Thưa toàn thể hội hữu Hội Việt-Nam Phật-Học,

Đánh tiếng chuông kỷ niệm ngày thành-lập Hội lần thứ 21 này, bản ý chúng tôi muốn cùng quý đạo-hữu

khâu tổ bản hoài của Đức Bồn-Sur Thế-Tôn xuất gia cầu đạo mà các vị sáng lập tiền bối đã cố gắng thực hành đúng theo bản hoài ấy. Chúng ta hằng năm cử hành một lễ kỷ niệm như hôm nay chính là đề nhắc nhở nhau cái phận sự phải kế tiếp công nghiệp của người xưa đề biêu dương tinh thần cao cả của Đạo-Phật và làm rạng rỡ ý chí tiền nhân.

Biêu dương tinh thần Phật-Giáo và làm rạng rỡ ý chí của tiền nhân không chỉ ở sự ca ngợi công đức và ở sự tổ chức nhiều nghi lễ phiền văn mà cốt ở sự thực hành tu học đề tâm niệm hành vi của chúng ta theo đúng lời Đức Bồn-Sur đã truyền dạy.

Đề hiểu thấu tinh thần ấy, trước hết chúng tôi yêu cầu quý Đạo-hữu hãy cùng chúng tôi duyệt qua một vòng phong trào Phật-Giáo trên thế-giới hiện tại, đem tinh thần chung của phong trào rộng lớn ấy so sánh với tôn chỉ của Hội chúng ta hầu giúp cho mọi người nhận thức sâu xa ý chí sáng suốt và mục đích cao đẹp gồm tóm trong hai chữ Phật-Học mà các vị sáng lập đã chọn đề đặt tên cho Hội.

1) PHONG TRÀO PHẬT - GIÁO THẾ - GIỚI HIỆN TẠI

Trên thế-giới ngày nay, bóng cờ sáu sắc hào quang của Phật-Giáo che rợp hai phần ba quả địa cầu và hướng-dẫn cho một số tin đồ 550 triệu. Trong đất liền mông mênh cũng như ngoài hải đảo có quanh chìm đắm giữa trùng dương bát ngát, Phật-giáo-dồ đương bủa vây một làn sóng diện ngạt ngào hương bác ái. Một niệm lành phát khởi ở đây, tiếng vang chuyên ngay khắp thế-giới; một Phật-sự cao đẹp thực hiện ở

một chân trời xa, dư-âm của nó phản- ứng lại ngay trong lòng người Phật-tử ở đây. Tất cả cùng gặp nhau trong một niềm tư-tưởng tin yêu nhau, trên những hành động lợi tha như nhau và tất cả đều tin tưởng ở một ngày mai huy hoàng của Đạo Giác Ngộ. Phật-Giáo Thế-Giới đương sống lại thời kỳ A - Dục - Vương cũng như Phật-Giáo Việt-Nam đương sống lại các triều-đại Đinh, Lê, Lý, Trần.

Các dân tộc có thể chống báng nhau vì quyền lợi, nhưng Phật-tử đâu ở đâu, bao giờ cũng sống trong niềm thương yêu đau xót cho nhau, vì tất cả đều đã nhận thức rằng tội lỗi chỉ do tham, sân, si gây nên, mà cội gốc của ba độc ấy không gì khác hơn là vô-minh. Mọi Phật-tử đều cố gắng chiến-thắng nó với phương thuốc *TRÍ-HUỆ* và *TỪ-BI*.

Vì hiểu lẽ ấy nên ở mọi nơi trên thế-giới đã nổi dậy một phong-trào hoằng - dương Phật-Pháp rộng lớn đem Đạo Từ-Bi ra cứu đời giúp người.

Phong-trào phát-khởi đầu tiên từ Đại-Sư Thái-Hư. Những sách vở do Ngài trước-tác lan khắp đó đây và chinh-phục được nhân-loại đau khổ đang khao-khát hòa-bình. Hột giống Bồ-Đề nảy mầm rất mau và không bao lâu lan tràn cùng khắp thế-giới.

Trong hai năm qua, hẳn các đạo-hữu cũng đã nghe nhiều về các hội-nghị của các nước theo Phật-Giáo trên thế-giới như cuộc hội-nghị ở Tích-Lan năm kia và gần đây cuộc hội-nghị ở Nhật-Bản. Các hội-nghị đã thành-tựu hết sức mỹ-mãn. Sự thành-công ấy đã làm cho Phật-tử chúng ta vô cùng hân hoan, song suy-cứu đến tận nguyên-nhân, chúng ta không ngạc-nhiên chút nào cả. Nó là kết-quả tất-nhiên của một ý chí chung; nó là khúc

hợp-tấu vĩ đại của nhiều tiếng nhạc lòng cùng rung chuyển theo một cung điệu, một bản hoà. Bản hoà ấy là học Đạo Giác-Ngộ, thực hiện tinh thần Từ-Bi, thống nhất ý chí để gây đủ sức mạnh phụng sự hòa-bình và mưu-cầu hạnh-phúc cho mọi dân-tộc.

Hội Phật-Giáo Thế-Giới được lập ra với mục-dịch tôn-chỉ ấy. Mục-dịch tôn-chỉ ấy cũng đồng với hoà-bảo của Hội chúng ta.

2) PHẬT - GIÁO THẾ - GIỚI VỚI TÔN-CHỈ CỦA HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

Tôn-chỉ của Hội chúng ta rất rõ ràng : « Hoằng-dương Chánh-pháp, lợi lạc hữu-linh ».

Công việc hoằng-dương Chánh-pháp gồm trong sự diễn-dịch kinh điển, giảng giải Phật-pháp. Mỗi người phải tự mình học hỏi và khuyến khích người khác học hỏi để thông đạt chân-lý Phật dạy rồi y theo đó mà tổ-chức một đời sống ăn nhip với tinh-thần Từ, Bi, Hỷ, Xả của Đạo Vô-thượng.

Trong 21 năm qua, các lớp, trước sau kế tiếp nhau noi theo chỉ-hướng ấy đã thu được nhiều kết-quả hiện tiền. Mỗi gia-đình đã được Phật-hóa đều sống trong bầu không khí thân-ái hiền-hòa. Giáo-diệu của Phật đã lan rộng và cảm-hóa hơn mười vạn gia-đình khắp trên quốc-độ Việt-Nam. Ngoài ra, Hội lại còn lo gây dựng cho tương lai, một thể-hệ thanh-niên lành mạnh cả tinh-thần lẫn thể-xác, để ngày mai tiếp tục công việc hoằng dương, góp công xây đắp một xã-hội vui tươi hơn. Cứ đà này tiến mãi, trong trăm ngàn năm

nữa, lo gì thế-giới này không biến thành cảnh nhân-gian tịnh-độ.

Lợi lạc hữu-tình tức là giúp ích cho mọi người mọi loài tận hưởng nguồn vui sướng do sự sống đem lại. Không những chúng ta phải tự tỉnh tự tu, buộc mình không được phạm 5 cấm-giới; chúng ta lại còn phải tinh-tiến thực-hành thập-thiện, làm việc bố thí cứu đời, đề vun trồng cội phúc.

Hai việc Hoảng-dương Chánh-Pháp và Lợi-lạc hữu-tình đều gồm thâu lại trong một tên của Hội là « Phật-Học ». Hội Phật-Học nghĩa là Hội học Phật, tức là học làm Phật. Học làm Phật bắt đầu phải biết xả bỏ tự-lợi để làm việc lợi-tha, biết dẹp vật-dục đề hướng về Phật-tánh. Một xã-hội gồm những phần-tử như thế hẳn phải là một xã-hội tốt đẹp.

Với một chủ-trương xây dựng như vậy, kết-quả rực-rỡ ngày nay là một việc tất nhiên, tưởng chẳng có gì lạ cả. Ngược lại, kết-quả ấy còn xác nhận rằng tôn-chỉ của Hội chúng ta là hợp lý. Thêm nữa, cao trào Phật-Giáo trên Thế-giới ngày nay đến đúng lúc, để giúp ta thêm mạnh dạn tin tưởng ở chủ-trương của Hội chúng ta. Đây ta hãy ôn lại lời vị Hội-Trưởng Hội Phật-Giáo Thế-Giới nói, trong khi ghé lại Sài-gòn cách đây năm tháng :

«..... Tôi sẽ đem niềm tin-tưởng mãnh liệt của Phật-Giáo Việt-Nam sang Đông-Kinh và tôi chắc rằng kỳ Hội-nghị Phật-Giáo quốc-tế năm nay sẽ là sợi giây liên-kết chặt chẽ các Hội Phật-Giáo thế-giới.....

«..... Bởi vì cùng là con cháu Đức Phật, cùng sống trong một tinh-thần bác ái, chúng ta không phải cứ tỏ lòng thành-kính bằng hương-hoa cúng lễ. Hơn thế,

chúng ta nên thực-hành các triết-lý cao quý của Phật-Giáo, cái triết-lý dạy ta đức bác-ái công bình để một ngày kia kéo lại hòa-bình cho nhân loại. Chỉ một niềm tin tưởng trong Phật-Giáo, tinh-thần nhân-ái của Phật-Giáo, ta sẽ chiến-thắng được tình cảnh đau đớn hiện nay.....»

Còn gì sung sướng cho chúng ta hơn ? Những thành-tích rực rỡ của Phật-Giáo Việt-Nam đã được Phật-Giáo Thế-Giới tán thán khích-lệ. Sự liên-hiệp mà chúng ta hằng ao ước ngày nay đã thực-hiện trong một ý-nguyện, chung cùng khắp cả thế-giới.

Giữa Tổng-Hội-Đồng vừa rồi, các Đại-biêu cũng đều tỏ ý-kiến phá tan thành-kiến địa-phương, thống-nhất ý-chí để gây thành một lực-lượng tinh-thần bền vững, hầu mong đạt đến mục-đích hoằng-pháp lợi sanh của Hội. Có được vậy, ta mới xứng là người đệ-tử trung-thành của Đức Thế-Tôn và khởi phụ công gây dựng của các Bậc Tiền Bối Sáng-Lập — Chúng tôi quan niệm rằng đó là cách kỷ-niệm xứng đáng nhất.

Thư các đạo-hữu,

Nền-tảng đã vững chắc, bạn đồng-hành đã đông đủ, tay trong tay, ta cố sức tiến mạnh thêm trên con đường hoằng-hóa. Từ đây, với tinh-thần tương-thần tương-trợ của Phật-Giáo-đồ trên thế-giới, chúng tôi tin rằng lễ kỷ-niệm ngày thành-lập Hội chúng ta, mỗi năm sẽ được đánh dấu bằng nhiều thành-công mới, tô-bồi cho sự-nghiệp tiền-nhân mỗi ngày thêm huy-hoàng rực rỡ mãi mãi.

Nam-mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

CHÁNH HỘI TRƯỞNG
Tổng Trị Sự Hội V.N. Phật Học :
Chân An LÊ-VĂN ĐÌNH

Kinh Thăng Mang

DỊCH Ý KINH THĂNG-MANG

(Tiếp theo)

5 (Chương 6)

Nhưng, bạch đức Thế-Tôn ! Đệ nhất nghĩa thừa ấy, các vị thánh giả Thanh-văn Duyên-giác đều đem trí tuệ đoạn trừ các phiền não phần căn bản, hoàn thành sự biến tri và sự đoạn chứng bốn thánh đế, vẫn chưa thể ngộ được vì chưa được đệ nhất nghĩa trí. Đệ nhất nghĩa trí là trí xuất thế thượng thượng; Thanh-văn và Duyên-giác biến tri và đoạn chứng bốn thánh đế nhưng chỉ là bước tới dần dần mà không có trí xuất thế thượng thượng là trí đi đến tận tánh các thánh đế.

Bạch đức Thế-Tôn ! Cái dụ kim-cang mà đức Thế-Tôn nói là chỉ cho trí đệ nhất nghĩa ở đây. Nhưng trí ấy, các vị thánh giả Thanh-văn Duyên-giác không có, vì chưa đoạn trừ vô thủ vô minh. Mà quán nhập các thánh đế là đệ nhất nghĩa trí. Đem trí vô nhị ấy quán nhập các thánh đế mới đoạn được vô thủ vô minh. Nên, bạch đức Thế-Tôn ! Trí chánh biến giác của Chư Phật không phải là cảnh giới của Thanh-văn và Duyên-giác. Chính trí ấy là trí bất tư nghị không. Đem cái không trí bất tư nghị ấy thì hủy diệt được tất cả kho tàng phiền não. Và vì là cái trí hủy diệt được một cách cứu cánh tất cả kho tàng phiền não, nên gọi là đệ nhất nghĩa trí. Còn trí bất đầu quán thánh đế không phải là trí cứu cánh; trí ấy chỉ mới là trí hướng về trí giác vô thượng bồ đề.

Bạch đức Thế-Tôn ! « Thánh » không phải các vị Thanh-văn Duyên-giác; các vị này chỉ hoàn thành những

công đức hữu hạn, hoàn thành một phần ít của công đức nên gọi là thánh mà thôi. « Đế » cũng không phải Thanh-văn Duyên-giác thâm ngộ và thuyết minh. Bạch đức Thế-Tôn ! Đế là chân lý mà Chư Phật Như-Lai giác ngộ, rồi sau khai thị diễn nói cho thế gian bị tàng gói trong vô vô minh, nên gọi là thánh đế. Thánh đế đó nói nghĩa thâm diệu vô cùng vi tế, khó biết, không phải là đối tượng của tư duy tưởng tượng, cái nghĩa mà chỉ các vị trí giả giác ngộ chứ tất cả thế gian không thể tin nổi, cái nghĩa Như-lai-tạng sâu xa. Như-lai-tạng là đối tượng của trí giác Phật-đà, không phải các vị Thanh-văn Duyên-giác biết nổi. Chính ở Như-lai-tạng ấy nói nghĩa thánh đế. Mà Như-lai-tạng sâu xa nên thánh đế cũng vi tế, khó biết, không phải đối tượng của tư duy tưởng tượng, chỉ có các vị trí giả giác ngộ chứ tất cả thế gian không thể tin nổi. Bạch đức Thế-Tôn ! Với Như-lai-tạng bị gói ghém trong kho tàng vô lượng phiền não mà không nghi ngờ mê muội thì người ấy cũng không nghi ngờ mê muội đối với pháp thân đã ra ngoài kho tàng vô lượng phiền não. Mà với Như-lai-tạng, với pháp thân, với lối phương tiện trình bày hai nghĩa ấy, với ba cảnh giới bất khả tư nghị của Phật-đà như vậy mà tâm trí tín giải quyết định, thì người ấy mới tín giải được sự thuyết minh hai thánh đế sau đây. Cho nên khó biết khó hiểu nhất, là sự thuyết minh về hai thánh đế. Sự thuyết minh hai thánh đế là thuyết minh thánh đế có hai phần hữu tác và vô tác. Hữu tác là hữu lượng tứ đế, nghĩa là không phải không do sự chỉ đạo của bậc khác nhưng lại không thể biết toàn thể khổ, đoạn toàn thể tập, chứng toàn thể diệt, tu toàn thể đạo, nên sinh tử trừ được chỉ là phần phân đoạn đối lập với phần biến dịch, niết bàn chứng được cũng chỉ là phần hữu dư gồm với phần vô dư. Còn vô tác là vô lượng tứ đế, tức là có thể vận

dụng tự lực của mình mà lại biết toàn thể khổ, đoạn toàn thể tập, chứng toàn thể diệt, tu toàn thể đạo. Đó là tám nghĩa mà đức Thế-Tôn thuyết minh về thánh đế. Riêng phần vô tác tứ đế thì chỉ duy trí chánh biến giác của Phật mới giác liễu một cách cứu cánh chứ không phải trí giác của các vị La-hán, các vị Duyên-giác. Tại sao như vậy? Là vì không phải do sự thấp vừa cao mà được cứu cánh niết bàn; cứu cánh niết bàn là phải như trí chánh giác của Phật biết toàn thể khổ ở vị lai vô cùng vô tận, đoạn toàn thể tập của phiền não căn bản và phiền não chi tiết, chứng toàn thể diệt của tất cả khổ, kể cả phần biến dịch sinh tử, nói tóm, là cứu cánh một cách tận cùng vô tác tứ đế mới được.

Nhưng, bạch Đức Thế-Tôn! Nói khổ diệt là không phải sự hủy hoại mà sự diệt ấy tức là tự tánh thanh tịnh thường trú, vô tử chung, vô tác khởi, vô cùng tận, ly hết tất cả kho tàng phiền não. Bạch Đức Thế-Tôn! Tự tánh thanh tịnh ấy vì cụ thể tất cả phật-pháp bất tức ly, bất tư nghị, nhiều hơn cát sông Hằng nên gọi là pháp thân Như-lai, nhưng pháp thân Như-lai ấy tức là tự tánh nơi kho tàng phiền não nên gọi là như-lai-tạng. ~~N~~ ^{CH} _{IX} ~~ên~~, Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu chứng được như-lai-tạng thì sạch không tất cả phiền não, và trí chứng ngộ như-lai-tạng ấy gọi là không-trí. Trí ấy chứng ngộ 2 phần sau đây của như-lai-tạng mà tất cả các vị La-hán, các vị Duyên-giác, các vị Bồ-tát vốn không thấy vốn không được. Hai phần ấy là một, không một cách như thực, là như-lai-tạng thoát ly, biệt dị với tất cả kho tàng phiền não; hai, có một cách như thực, là như-lai-tạng cụ thể tất cả phật-pháp bất tư nghị, không chung tận, không thoát ly. Hai phần của như-lai-tạng mà không-trí đã chứng này, các vị Đại thanh văn nghe còn có thể tin được, nhưng các vị La-hán, Duyên-giác thì không-trí của họ phát khởi từ 4 thứ

không điên đảo nên vốn không thể thấy, vốn không thể được để diệt tất cả khổ. Duy các Đức Phật-Đà chúng được nên mới tu tất cả đạo diệt khổ là phương pháp đoạn tất cả tập là kho tàng phiền não. ✕

X → Bối lý lẽ trên, bạch Đức Thế-Tôn ! Tứ đế như vậy ba thứ vô thường còn một thứ là thường trú. Ba thứ vô thường là khổ, tập và đạo. Ba thứ này vì là hữu vi nên vô thường ; vì vô thường nên hư vọng, mà hư vọng thì không phải là đế, là thường, là đệ nhất nghĩa. ✕ Còn một thứ thường trú là diệt đế. Diệt đế ly dị hữu vi, ly dị hữu vi nên không phải hư vọng, không phải hư vọng nên là đế, là thường, là đệ nhất nghĩa, là bất khả tư nghị, nên diệt đế ấy, tâm thức của tất cả chúng sinh như người đi từ khi mới đẻ, trí tuệ của Thanh-văn Duyên-giác như mắt đứa bé mới đẻ vài ngày, làm sao thấy vùng thái dương diệt đế được.

Tâm thức của tất cả chúng sinh là tâm thức ở trong hai tư tưởng cực đoan đối lập, còn trí tuệ của Thanh-văn Duyên-giác chỉ mới tịnh trừ những tư tưởng cực đoan đối lập ấy, cho nên tất cả chúng sinh không chấp ngã là thường thì cũng chấp ngã là đoạn, còn Thanh-văn và Duyên-giác thấy các hành vô thường thì cũng là đoạn kiến, thấy diệt bản thường trú thì cũng là thường kiến : tất cả đều là vọng kiến cả. Nhưng tất cả chúng sinh với hiện pháp tương tục, không thấy vô thường mà tương tục bất đoạn nên chấp đoạn, với tâm thức tương tục, không biết sự tương tục ấy chỉ là của ý thức liên tục lại qua các sát-na nên chấp thường ; do vọng kiến vọng chấp như vậy nên hoặc thái quá hoặc bất cập sự thật, chúng sinh điên đảo kia với năm uẩn vô thường chấp thường, khổ chấp lạc, vô ngã tưởng ngã, bất tịnh tưởng tịnh. Còn trí tuệ của Thanh-văn Duyên-giác là tịnh trừ những đảo tưởng ấy của chúng sinh điên đảo kia, nên trí tuệ ấy với cảnh giới của

nhất thể trí và pháp thân Như-lai vốn không thể thấy được.

Trái lại, nếu ai tin thọ lời Phật, phát khởi các tư tưởng thường lạc ngã tịnh mà vẫn gọi là chánh kiến chứ không phải đảo tưởng, vì người ấy thấu hiểu pháp thân là thường tuyệt đối, lạc tuyệt đối, ngã tuyệt đối, tịnh tuyệt đối. Thấu hiểu pháp thân như vậy là chánh kiến. Mà chánh kiến thì tức là Phật-tử chân chánh, vì người ấy sinh từ miệng Phật, sinh từ chánh-pháp, đã do chánh-pháp hóa sinh mà lại được tài sản chánh-pháp.

Bạch đức Thế-Tôn ! Trí tuệ thanh tịnh là trí tuệ của các vị La-hán và các vị Duyên-giác. Trí-tuệ ấy tuy gọi rằng thanh tịnh nhưng thật ra « diệt đế » không phải là đối tượng của nó, hưởng chi là trí tuệ các vị sơ nghiệp của tam thừa. Trí tuệ của các vị sơ nghiệp trong tam thừa không mê muội các pháp, với thật tướng các pháp, trí tuệ ấy sẽ giác ngộ, sẽ thể chứng, vì vậy mà Đức Thế-Tôn gọi là trí tuệ mà thôi, chứ thật ra trí tuệ ấy còn là hữu lậu, chưa phải là chỗ sở y. Chỗ sở y duy nhất là diệt đế. Diệt đế là chỗ sở y xuất thế thượng thượng, chỗ sở y đệ nhất nghĩa. Mà diệt đế ấy là như-lai-tạng. Cho nên sinh tử nương dựa như-lai-tạng. Do như-lai-tạng ấy mà nói nguyên thì không thể thấy được. Vì vậy, bạch đức Thế-Tôn ! Có như-lai-tạng nên nói có sinh tử, nói như vậy là nói đúng. Nhưng, bạch đức Thế-Tôn ! Sinh tử, sinh tử là gì ? chỉ là sự sinh diệt liên tục của các căn. Hai thứ ấy do như-lai-tạng, nhưng, do như-lai-tạng mà thế gian nói có sinh nói có tử, chứ thật ra sinh chỉ là các căn mới hình thành mà tử chỉ là các căn hư rã, không phải như-lai-tạng có sinh có tử. Như-lai-tạng không phải hữu vi. Như-lai-tạng thường trú. Như-lai-tạng bất biến. Nên như-lai-tạng là chỗ sở y, chỗ duy trì, chỗ kiến tạo ; có điều tự tánh cụ thể tất cả pháp-pháp bất tư nghị không ly dị, không chung kết, không

cùng tận, không biến dịch, còn các pháp hữu vi ly dị, chung kết, cùng tận, biến dịch là do như-lai-tạng mà làm chỗ sở y, chỗ duy trì, chỗ kiến tạo.

Cả đến sự chán khổ vui mong niết bàn nữa, bạch đức Thế-Tôn ! Nếu không có như-lai-tạng cũng không thể có. Lý do tại sao ? Bởi lẽ cả sáu thức trước và đệ thất thức đều sát-na sinh diệt, không dừng lại được trong từng sát-na nên không duy trì hạt giống đau khổ được nữa, chứ đừng nói là bỏ khổ vui, cầu niết bàn. Như-lai-tạng là vô thủ chung, không khởi diệt, nên chính nó duy trì hạt giống khổ não, và vì vậy, cũng chính nó bỏ khổ vui, cầu niết bàn.

Nhưng, bạch đức Thế-Tôn ! Như-lai-tạng như vậy không phải là bản ngã, sinh mạng, tự thể, biệt thể. Cho nên ai sa vào thân kiến thì kẻ đảo tưởng, loạn ý ấy, như-lai-tạng không phải đối tượng của họ. Như-lai-tạng là pháp giới tạng, là pháp thân tạng, là xuất thế thượng thượng tạng, là tự tánh thanh tịnh tạng. Như-lai-tạng tự tánh thanh tịnh ấy vậy mà bị phiền não căn bản, phiền não chi tiết ô nhiễm. Nên như-lai-tạng thật là bất tư nghị, là cảnh giới của Phật. Tại sao vậy ? Vì tâm đã sát na sinh diệt thì dù thiện tâm hay ác tâm, cũng không phải nhiễm ô phiền não. Sinh diệt trong từng sát-na thì phiền não không đụng chạm đến tâm, tâm không đụng chạm đến phiền não, hai cái không đụng chạm nhau thì làm sao nhiễm ô được. Vậy mà bạch đức Thế-Tôn ! Sau khi phiền não hiện hành vẫn có tâm ô nhiễm phiền não ấy : Tâm tự tánh thanh tịnh mà có nhiễm ô như vậy, thực khó rõ thấu. Duy mắt chân thật, trí chân thật của các đức Thế-Tôn là căn bản của Chánh-Pháp, thông đạt tất cả các pháp, làm chỗ nương dựa của chánh-pháp, mới thấy biết một cách như thật,

(còn nữa)

Đức Thầy Chỉ Đạo

Đức Thầy-Chỉ-Đạo ấy là Đức Phật Thích-Ca.

Thật vậy, Đức Phật Thích - Ca Mâu - Ni quả là đức thầy chỉ đạo của đời sống ý nghĩa, của người muốn sống đời sống ý nghĩa, vì hơn ai tất cả, Ngài đã tự chỉ đạo mình sống và đã sống hoàn toàn đời sống ý nghĩa đó.

Đức Phật Thích-Ca, thiếu thời là một hoàng - tử tài đức. Uy-quyền rộng. Hạnh-phúc đủ. Nhưng vị hoàng-tử ấy rũ sạch, ra đi xuất gia vì chí nguyện sống cho mọi người, sống vì mọi người. Chí nguyện ấy là hạt giống đã gieo tự nhiều kiếp của đời sống ý nghĩa. Ngày nay, những người ham thích và quyết chí sống đời sống ý nghĩa ấy vẫn còn luôn luôn tưởng thấy một thanh niên tuổi 19 mang trong mình bao nhiêu cao sang của ngai vàng, bao nhiêu lâm liệt của quyền vị, và bao nhiêu tha thiết của tình yêu, bao nhiêu đầy đủ của cuộc sống, thanh niên ấy đã bỏ lại tất cả cho hoàng thành Ca-tỳ-la-vệ trong một đêm tối, và từ đêm tối ấy, với bốn vó ngựa mạnh mẽ, thanh niên vượt qua thành trì của rực rỡ mà truy lạc, phi vào rừng núi của gai góc nhưng

cao cả ; hình ảnh này còn hoạt diễn và sẽ còn hoạt diễn mãi trong tâm trí của những người muốn sống đời sống ý nghĩa.

Rồi mặc như gấn vào mình chiếc ca-sa muốn đời của tam thế Chư Phật, thanh niên ấy đi tìm thầy học hỏi những cái mà chỉ hướng vi người của mình đời hỏi. Hết học lại tu. Hết tu với người lại tự tu tập một mình. Trong sự tu tập, vừa suy nghiệm lại vừa thực nghiệm. Cho đến khi sự giác ngộ có một không hai đến với thanh niên dưới gốc cây Bồ-Đề thì bấy giờ tất cả nguyện vọng của đời sống ý nghĩa đã thật hiện. Thanh niên ấy, hoàng tử của nguyện vọng cao cả ấy đã thành một Đức Phật, Đức Thích - Ca Mâu - Ni, đức Thầy - Chí - Đạo của tất cả.

Đức Phật Thích - Ca Mâu - Ni sau khi đại giác ngộ về đời sống ý nghĩa rồi, tận tụy đem những điều mình đã giác ngộ, đã thật hiện về đời sống ấy suốt đời chỉ đạo lại cho người. Đời sống ý nghĩa mà Ngài chỉ đạo có vô số hiện quả thực tế. Đời sống ấy đã làm cho hàng triệu người lúc ấy, bây giờ, và mãi mãi sau này, chuyển đời sống đen tối, vô vị của họ thành đời sống ý nghĩa. Đặc biệt là đời sống ấy không những làm cho đời sống loài người có ý nghĩa mà còn làm tươi sáng cho vô số đời sống đen tối của loài vật. Trong kinh điển còn chép rõ những thực trạng đó khi Phật tại thế.

Điều cần thiết của đời sống ý nghĩa là tự tin và tự gắng năng lực hướng thiện của chính mình. Cho nên một đời tận tụy chỉ đạo cách sống đời sống ý nghĩa

cho người bằng mọi cách — vừa chỉ đạo bằng sự thuyết giáo, vừa chỉ đạo bằng cách đích thân làm gương, lại vừa chỉ đạo với ý muốn người giải thoát —, cho đến khi sức khỏe tàn tạ với tuổi tám mươi, Đức Phật tóm thâu tất cả đường lối chỉ đạo của mình lại trong lời di-giáo cuối cùng này: «Hãy lấy mình làm căn cứ, làm đức sáng; hãy lấy chánh-pháp làm căn cứ, làm đức sáng». Tất cả giá trị của đời sống ý nghĩa là lấy chánh-pháp làm căn cứ và làm đức sáng, tất cả điều kiện cần thiết của đời sống ý nghĩa là lấy mình làm căn cứ và làm đức sáng trong sự hướng về Chánh-pháp, và cuối cùng, tinh cách chỉ đạo, tinh cách xứng đáng của sự chỉ đạo mà ta tìm thấy duy nhất ở Đức Phật là vạch rõ những điều ấy.

Là Đức Thầy-Chỉ-Đạo mọi người, nhưng Đức Phật không nói các người phải theo tôi, cũng không khuyên nên theo ngài. Ngài chỉ vạch đường, đưa đường, và «dĩ thân tác chứng» đích thân mình làm gương và làm chứng trong sự chỉ đạo mọi người sống đời sống ý nghĩa. Đời sống ấy phải làm thế nào và có kết quả gì, Ngài đã làm và làm đã kết quả. Một đời sống hoàn toàn ý nghĩa, người ta chỉ nhìn vào đời Đức Phật là thấy. Và người ta chỉ tìm thấy cũng như đã tìm thấy đời sống ấy ở Đức Phật mà thôi.

Chỉ đạo cho người mục đích hợp lý, hành động hiệu lực, tín ngưỡng minh chánh của một đời sống ý nghĩa, Đức Phật đã làm với tất cả sự đề cao bản tánh của con người, sự nâng đỡ lý đoán của con người và

sự phát triển năng lực của con người bằng tất cả đức đại hùng, đại lực, đại từ bi của ngài. Với lý thuyết « vô ngã », ngài quảng bỏ đời mình cho người và chỉ đạo mọi người vất bỏ đời sống đen tối bước qua đời sống đầy ý vị. Với lý thuyết đời sống vô vị là cả một « khổ hải », ngài đã rời bỏ ngài vàng, bước xuống với tất cả mọi người muốn sống đời sống ý nghĩa. Với lý thuyết « vô thường » và « vô tánh », ngài đích thân làm cho mọi người thấy cuộc đời cần thay đổi và có thể thay đổi được thành đời sống ý nghĩa. Mục thường nhất của đời sống ý nghĩa như bốn phận đối với xã hội, trách nhiệm đối với gia đình, từ đời sống riêng tư của cá nhân đến sự đối xử cần có đối với mọi người, Đức Phật cũng đích thân làm gương và chỉ dẫn đầy đủ cho chúng ta.

Chỉ đời sống ý nghĩa của Đức Phật vạch ra mới hợp lý, chỉ đức Phật vạch đời sống ý nghĩa ấy mới hợp lý, và chỉ hợp lý là khi đời ta sống theo đời sống ý nghĩa mà Đức Phật đã vạch; ba chữ hợp-ly ấy quả thật chúng ta có thể tìm thấy khi chúng ta chiêm ngưỡng vào Đức Phật, Đức Thầy Chỉ-Đạo của chúng ta.



PHƯƠNG PHÁP HỌC VÀ HÀNH TRONG ĐẠO PHẬT

LỜI NÓI ĐẦU. — *Phương pháp học và hành trong Đạo Phật lẽ tự nhiên là phải nhằm vào mục đích mà Đạo Phật đã vạch ra như trên. Mục đích ấy, như ta thấy, cứu cánh của nó là Tri-giác vô-thượng. Nhưng tri-giác ấy lại phát sinh, lại bắt nguồn từ tri-giác, chứ không chi khác. Bởi lẽ đó, sự học và sự hành trong Đạo Phật là phương pháp đi đến tri-giác mà phương pháp để học và hành lại cũng phải xây dựng trên tri-giác. Thử chung của Đạo Phật là con đường duy nhất và rộng rãi để đi đến cung điện hùng vĩ, đồ sộ, con đường và cung điện ấy đều là Tri-Giác, một thứ Tri-Giác như trước đã nói, nó là chủ thể mà phụ tùng nó là từ bi, dũng lực, và để hoàn thành đại hiện thiện, đại an lạc. Cho nên học và hành không thể tách biệt và chỉ có một phương pháp mà thôi. Thêm vào, chữ học trong Đạo Phật phần lớn nghĩa là thực hành, còn sự học chỉ học thì lại gọi là đa văn, cho nên phương-pháp học và hành chỉ là một. Phương pháp ấy là gì?*

I. — PHƯƠNG PHÁP HỌC VÀ HÀNH TRONG ĐẠO PHẬT

Học tức là hành ; học và hành trong Đạo Phật hầu hết các trường hợp đều không thể tách biệt, và đều đi đến Tri-Giác nên phương pháp ấy có ba phần mà theo sau, phần nào cũng có chữ « huệ ».

a) *Vấn huệ*. — Phần này mới thật là phần học. Học cố nhiên là với trí huệ và bằng trí huệ. Nhưng học gì? Thế gian người ta tìm trong sách vở thấy chưa đủ thì bảo trường học là trường đời. Nhà khoa học cũng đã thấy đề tài họ học là vũ trụ tự nhiên. Thế gian còn vậy nữa là những người con đấng Giác-giả học theo đạo Chánh-giác? Cho nên Phật-tử học, cố nhiên căn bản là giáo lý trong ba tạng kinh, luật, luận, nhưng trường học của Phật-tử là pháp giới chúng sinh mà đề tài là pháp giới các pháp. Ít ra, trong năm minh-xứ này, Phật-tử cũng phải chú ý: 1) *nội minh*: học giáo lý của chánh-pháp để làm căn bản; có căn bản ấy rồi thì cũng như có đèn sáng mới đưa ánh sáng cây đèn ấy dọi ra 4 minh xứ sau đây. 2) *nhân minh*: học phương pháp luận lý, tức là học cách bác phá tà thuyết, phò trợ chánh-pháp, đặc biệt là học cách đem chánh-pháp trình bày cho tất cả tầng lớp đều tiếp nhận được. 3) *thanh minh*: học các sinh ngữ, là phương tiện duy nhất để biểu diễn chánh-pháp đã học cho người hiểu biết. 4) *Y minh*: học thuốc; chánh-pháp để trị tâm bệnh, tâm bệnh hết thì thân bệnh không còn vì lẽ tâm lý bao giờ cũng liên quan đến sinh lý, nhưng khi tâm lý chưa lành bệnh phiền não thì học thuốc để chữa bệnh tật thân thể cho chúng sinh là điều rất cần, vì nó là

phương tiện đi trước để đưa đến sự tiếp nhận chánh-pháp cho họ. 5) *công minh*: tức học nghề; nghề nghiệp là điều kiện chánh đáng giúp cho sự sống được tồn tại và tránh khỏi những tội ác gây ra bởi sự sống; những nghề nghiệp được kể, là thương mại, nông nghiệp và công nghệ. Có biết những nghề này mới tự lập trong sự sống của mình và giúp ích thực tế cho sự sinh hoạt của người, đó hai điều kiện giúp cho ta đem chánh-pháp đến cho người một cách dễ dàng.

b) *Tư huệ*. — Tư là suy nghiệm, thí nghiệm, nghĩa là đối với những điều mình học trên, suy xét, thử, và bằng hai phương tiện đó đi đến thể nghiệm là biết một cách đích xác, in hợp với chỗ sở học.

c) *Tu huệ*. — là thực nghiệm, áp dụng và ứng dụng những sở học ở trên.

Nói tóm, ba phần này là phương pháp học và hành mà sự học và sự hành đó, trong phần nào cũng có, cũng phải có theo phạm vi của nó cả.

II. — BƯỚC ĐẦU VÀ CỨU CẢNH CỦA HỌC VÀ HÀNH TRONG ĐẠO PHẬT.

Tuy nhiên điều cần chú ý nhất là như trên đã nói, đây là ba phương tiện (gọi là hai phương tiện học và hành cũng vậy) vừa đưa đến trí giác, vừa do trí giác phân hóa ra, vậy trí giác đó là gì? Là căn bản trí và hậu đắc trí. Căn bản trí là trí tuệ căn bản, phải hiểu rõ cái căn bản của Phật-Pháp là chánh-pháp trong ba tạng, phải có cái căn bản là diệt sạch tất cả phiền não, và phải thể chứng thể tánh căn bản là chân như. Còn hậu đắc trí là trí tuệ hiểu rõ những ngành ngọn sai biệt sau khi đã có cái trí căn bản là hiểu chánh-pháp và không còn sự chi phối của phiền não. Nói khác đi, phương pháp ứng dụng thiết thực nhất trong ba điều văn tự tu là

phải học ngũ minh nhưng học nội-minh trước, học 4 thứ kia sau. Ở phần kết quả, phải có căn bản trí mới có hậu đắc trí, nên ở phần nhân hạnh, tất nhiên không có nội-minh thì 4 minh xử kia chỉ cái học thức thế gian. Mà tai hại của cái học-thức thế gian (hay gọi một cách khác, đó là cái học vô căn bản, nhất là vô căn bản chánh-pháp và sống trong sự chi phối phiền não) thì cái học ấy làm loạn đời, gây khổ cho đời, không phải lợi tha và cứu thế. Do lẽ này, trong kinh thường nhắc đến hai điều căn bản của học và hành là :

- 1) Phát bồ đề tâm,
- 2) Đàn áp phiền não.

Đem hai điều ấy mà trước học nội-minh làm căn bản, sau học nhân-minh, thanh-minh, y-minh và công-minh làm phương tiện, thì đó là bước đầu của phương pháp học và hành trong Đạo Phật.

Đem cái học ấy thực nghiệm và ứng dụng trong việc tự giác giác tha để tạo thành căn bản trí và hậu đắc trí là bước cứu cánh của phương pháp học và hành trong Đạo Phật.

III. — BỐN KHẨU CHÂM CỦA SỰ HỌC VÀ HÀNH TRONG ĐẠO PHẬT

Bây giờ nói đến sự học nội-minh nghĩa là học giáo lý để thực hành, thì đây là 4 điều mà ta phải nhớ để việc học ấy được kết quả :

- 1) Y cứ trí tuệ không y cứ tâm thức.
- 2) Y cứ chánh pháp không y cứ người nói.
- 3) Y cứ nghĩa lý không y cứ văn từ.
- 4) Y cứ kinh liễu nghĩa không y cứ kinh không liễu nghĩa.

Tâm thức là tập quán, cảm giác, cảm tình, thiện

kiến; theo tâm thức ấy thì mình học cái làm của mình mà không phải học cái sáng của chánh-pháp. Người nói là tư cách, cá tính và đời tư của người dạy chánh-pháp; muốn học chánh-pháp thì chớ để ý đến cá nhân, cá nhân ấy mình thích hay ghét, cái thích cái ghét đều làm cho mình sai mất chánh-pháp: Mình thích mà họ tốt thì đành là có lợi, nhưng họ xấu thì họ nói sai mình cũng cho là phải; còn ghét thì họ tốt là mình mất nhờ, mà họ xấu thì mình vì giận rách quãng mắt vàng ngọc. Văn từ thì dễ hiểu: Lời nói và văn chương hay thu hẹp và khuất lấp chánh-pháp, nên chỉ nên coi nó như là ngón tay chỉ mặt trăng, mà phải tìm cho ra nghĩa lý của nó biểu thị. Liễu nghĩa là rất ráo; kinh liễu nghĩa là kinh đại-thừa, chỉ có đại-thừa mới đi đến đại-giác, mục đích rất ráo nhất, nên chỉ nên y cứ những kinh sách ấy. Giải thích sơ lược như vậy đủ thấy bốn khẩu châm này không những là điều kiện cần có mà còn là tư cách phải có trong việc học, dầu học nội-minh hay học các minh xứ khác cũng vậy. Ngày Đức Phật niết bàn, tôn giả A-Nan bạch hỏi sau khi Ngài niết bàn, tất cả các hàng Phật-tử nương dựa vào đâu? Đức Phật trả lời rằng: Phải nương dựa vào tứ niệm xứ và bốn điều trên. Điều đó đủ chứng tỏ tinh cách quan trọng của chúng.

* *

Nói tóm, phương pháp học và hành trong Đạo Phật là văn, tư, tu. Nhưng điều cần thiết để văn, tư, tu là phải có bồ-đề-tâm và phải trừ phiền não để học nội-minh trước, học các minh xứ khác sau. Trong khi học nội-minh hay các minh xứ khác, tư cách và điều kiện phải có là chỉ căn cứ trí tuệ, chánh pháp, nghĩa lý, và kinh liễu nghĩa mà đừng căn cứ tâm thức, cá nhân, văn từ và kinh không liễu nghĩa.

TĂNG - BẢO

PHẦN CHÁNH - GIẢI

Mục lục : a) Phần phụ thuộc.
b) Phần chánh thức.

A. — Phần phụ thuộc

I. THƯỜNG THỨC. II. NGHI LỄ. III. LỊCH SỬ.

I. — THƯỜNG THỨC :

- 1) Một ngôi chùa, 2) Cách thờ tự,
- 3) Y phục, 4) Sự cư trú, 5) Sự sinh hoạt.

1. — Một ngôi chùa.

Ngày xưa, đời đức Phật chỉ có tinh - xá chứ không phải chùa. Tinh - xá ý nghĩa là nhà tinh khiết, bởi đó là chỗ Phật-đà thuyết pháp, chỗ Tăng-già tu-học. Ngày nay chỉ có chùa, vậy Tăng-già phải nhận thức rõ ràng :

a) Chùa phải là cơ quan hoằng pháp. — Nghĩa là chùa phải là chỗ thờ kính Phật - đà, chỗ Tăng-già tu

học, chỗ tin đồ tu học, chỗ làm tất cả mọi Phật-sự. Phải hiểu như thế, đừng để chùa thành nơi làm việc gì khác.

b) Tài sản của chùa. — Tất cả tài sản và lợi tức của một ngôi chùa cũng là để lo các việc hoằng pháp như trên, không nên xữ dụng vào việc gì khác.

c) Cách kiến trúc chùa. — Bởi chùa là cơ quan hoằng-pháp, nên phải kiến trúc cho sự nhu cầu ấy, không kiến trúc nhà cửa gì ngoài những việc hoằng - pháp. Và nếu không kiến trúc chùa thành cơ quan hoằng-pháp được, thì phải làm sao thành một tịnh thất mà thôi.

d) Ý nghĩa cửa chùa. — Cửa chùa xưa nay đều làm ba cửa, gọi là tam quan. Làm như thế là tiêu biểu « ba cửa giải thoát » :

- 1 — Không,
- 2 — Vô tướng,
- 3 — Vô tác.

« Không » là quán sát thấy các pháp đều không có tự tánh. « Vô tướng » là quán sát thấy các pháp đều không có hình tướng quyết định. « Vô tác » là quán sát thấy các pháp đều không có tác dụng quyết định. Do quán sát thấy các pháp đều không, vô tướng, vô tác như thế, nên có thể diệt trừ các điều cần phải diệt trừ và làm thành các điều cần phải làm thành ; nghĩa là do quán sát ba điều ấy mà được giải thoát, nên ba điều ấy gọi là cửa của giải thoát.

Cửa chùa là cửa giải thoát như thế nên Tăng - gia phải làm sao cho chùa thành cơ quan giải thoát : giải thoát cho mình và giải thoát mọi người.

BỊ CHÚ :

TU HỌC : thật hành chánh-pháp, học tập chánh-pháp.

PHẬT-SỰ : công việc Phật-Pháp.

TỊNH THẮT : nơi tịnh tu.

QUÁN SÁT : soi xét.

TỰ TÁNH : độc, tánh.

GIẢI THOÁT : cởi mở và rảnh khỏi tất cả những thứ cần phải cởi mở và rảnh khỏi, như phiền não, ác nghiệp, và khổ quả. Nhưng cởi mở rảnh khỏi tất những thứ ấy thì tức là được tất cả những thứ vi diệu, như tâm trí sáng suốt, hành động lợi ích, và quả báo an lạc.

2. — Cách thờ tự

Cách thờ tự trong chùa phải thế nào ? Nếu thờ tự mục đích để kính ngưỡng, và nếu chính sự thờ tự tiêu biểu cho một tôn giáo, thì cách thức thờ tự quả thật là hệ trọng, Tăng-già cần phải hiểu rõ.

a) Chỉ nên thờ tượng độc tôn mà thôi. —

Nghĩa là chỉ thờ một tượng Đức Thích-Ca, hoặc chỉ thờ một tượng Đức Di-Đà mà thôi. Lý do là vì hai lẽ : Một, Phật Phật đạo đồng thì thờ một đức Phật tức là thờ tất cả các đức Phật. Lại Phật là pháp vương nên thờ Phật-dà tức là thờ tất cả các vị Bồ-tát, Duyên-giác, Thanh-văn, Tồ-sur, Hộ-pháp, Thiện-thần rồi. Hai, chúng sanh tâm tưởng đã tạp loạn, vậy sự thờ kính phải duy nhất đơn giản ngắn nào hay ngắn ấy. Vẫn biết thờ nhiều Đức Phật là vì lòng qui ngưỡng, thờ Bồ-tát là vì các ngài giác ngộ chúng sinh, thờ Duyên-giác, Thanh-văn, là vì đó là các vị thánh giả, thờ Hộ-pháp, Thiện-thần, là vì các ngài bảo vệ chánh-pháp và người thật hành chánh-pháp, thờ các vị Tồ-sur là vì các ngài diệu kham di chúc, truyền Phật tâm

tôn ; nhưng nếu thờ như thế thì biết mấy cho cùng. Nên chư Phật đã đạo đồng mà Phật lại là đẳng pháp vương, thì thờ một tượng Phật độc tôn cũng đủ tất cả mà lại chuyên nhất cho sự qui ngưỡng.

b) Không nên thờ các hình tượng hóa thân. —

Tượng hóa thân là như tượng ngài Bồ-đài hòa thượng của Đức Di-Lặc hóa hiện, hay tượng khổ hạnh của Đức Thích-Ca vân vân. Lại các tượng tiêu biểu của Mật-tôn cũng coi như tượng hóa thân. Tất cả hình tượng này chỉ là những hóa thân, những tượng trưng riêng biệt, không tiêu biểu được hết các đức tánh của Chư Phật Bồ-Tát, nên không nên thờ. Thờ ra, đã không hiểu rõ, đã hiểu lầm, lại lộn xộn và không trang nghiêm.

c) Nên thờ tượng thế nào ? — Chỉ nên thờ

tượng độc tôn, nhưng tượng độc tôn ấy cũng phải trở phải về thế nào cho tiêu biểu được các đức tánh đại từ bi, đại trí giác và đại hùng lực của Phật-dà mới được. Thờ tượng là cốt hình dung Đức Phật ; nếu không hình dung được Đức Phật mà xấu đến không trang nghiêm hay dẹp một cách trái đạo, thì thờ tượng ấy không phải thờ Phật nữa vậy.

d) Có nên thờ tượng đức Chuẩn-Đề và tượng

đức Quán-Âm không ? . — Có người hỏi : nếu không nên thờ tượng tiêu biểu và tượng hóa thân, vậy tượng đức Chuẩn-Đề và đức Quán-Âm có nên thờ không ? Trong các tượng tiêu biểu, tượng Chuẩn-Đề tiêu biểu khá rõ : nhiều tay tiêu biểu cho phương tiện vô cùng, nhiều mắt tiêu biểu cho trí tuệ vô tận. Trong các tượng hóa thân, đối với hàng Phật-tử phụ-nữ, tượng Quán-Âm

hình dáng phụ-nữ quả có thể cảm họ nhiều, vì tượng ấy tiêu biểu được đôi phần lòng từ ái của bà mẹ hiền Quán-Thế-Âm. Hai tượng Chuẩn-Đề và Quán-Âm nếu hiểu rõ như thế mà thờ kính thì cũng được. Nhưng tốt hơn, chỉ nên thờ độc tôn, nghĩa là chỉ thờ một trong hai tượng ấy mà thôi, không thờ gì khác nữa.

đ) Các thứ tượng trưng nơi hình tượng. — Tượng là tượng Phật - đà, tượng Bồ-tát, mà Phật - đà và Bồ - tát đầy đủ vô biên diệu đức, nên tượng các ngài có nhiều tượng trưng lắm. Thí dụ nơi thân tượng, tóc xoáy phía phải là biểu thị Phật bao giờ cũng hành động theo chân lý, đỉnh đầu nổi cao là biểu thị trí giác vô thượng; ngoài thân tượng thì như hoa sen là tượng trưng cho chân lý: Phật ngồi trên hoa sen là các ngài thành tựu từ chân lý và giáo hóa chúng sinh cũng bằng chân lý. Hiểu rõ như thế mới biết ý nghĩa một hình tượng. Và khi trở khi vẽ, cũng phải trở phải vẽ những tượng trưng ấy thế nào cho đúng và hiểu thị được những điều tượng trưng ấy.

e) Tăng-già phải thận trọng vì tượng Phật là một trong trú trì tam bảo. — Đối với hình tượng, Tăng-già phải thận trọng sự thờ kính, thận trọng sự khắc vẽ, vì hình tượng ấy là Phật bảo trong trú trì tam bảo. Trú trì tam bảo là gì? Các tượng Phật là Phật - đà, các kinh sách là Đạt - ma, các vị xuất gia là Tăng - già; Phật - đà, Đạt-ma, và Tăng-già như thế đó là tiêu biểu cho sự tồn tại của Chánh - Pháp, nên gọi là trú trì tam bảo. Hướng chỉ thận trọng trong sự thờ kính tượng Phật không những vì là Phật bảo trong trú trì tam bảo mà thôi, mà còn một

điền nữa : chính tượng ấy cũng là pháp thân của Phật-đà. Pháp thân của Phật là tất cả các pháp, vậy tượng ấy dù bằng gì cũng là pháp thân, nên Tăng-già phải thận trọng trong sự thờ kính.

g) Cách cúng dường tượng Phật.— Nói chung, sự dâng cúng trong chùa phải như thế nào ? Sự dâng cúng là để tỏ lòng thành của chúng ta chứ không phải để Phật dùng, như vậy sự dâng cúng cốt phải chí thành, tinh khiết, đơn giản. Tốt hơn cả là chỉ nên cúng dường đèn nến và hương hoa ; nếu muốn lăm, chỉ nên cúng dường chút ít quả nữa mà thôi. Trong kinh nói trong các cách cúng dường Phật-đà, pháp cúng dường là tối cao, vì pháp cúng dường là thật hành đúng như lời Phật dạy, mà thật hành đúng như lời Phật dạy thì lợi ích chúng sinh và xuất sinh chư Phật. Tăng-già phải thể theo ý ấy mà cúng dường Chư Phật. Và nói đến cách cúng dường như thế thì một cái lay cung kính phát khởi tâm kính ngưỡng mọi người đối với Chư Phật, một lời nói đúng chánh-pháp để cho người biết mà tu hành, cũng còn hơn là liệt trên bàn thờ một cách lộn xộn những thứ vật thực.

BỊ CHÚ :

TƯỢNG ĐỘC TÒN : tượng của một Đức Phật hay một vị Bồ-Tát mà thờ.

PHẬT PHẬT ĐẠO ĐỒNG : các Đức Phật-đà đều như nhau về mọi phương diện, như tri-giác, phước-đức vân vân.

PHÁP VƯƠNG : vua các pháp. Phật-đà tự tại đối với tất cả các pháp, nên gọi là đấng pháp vương.

BỒ-TÁT : dịch ý là giác hữu tình : người giác ngộ tất cả chúng sinh.

DUYÊN-GIÁC : người giác ngộ nguyên lý duyên sinh.

THANH-VÂN : người giác ngộ bốn đế lý do nghe âm thanh của Phật thuyết minh bốn đế lý ấy.

TỔ-SƯ: các vị thừa truyền tâm ấn của Phật như ngài Ca-diếp, ngài Đạt-ma; hoặc các vị truyền bá Chánh-Pháp của Phật như ngài La-thập, ngài Huyền-trang; nói tóm, các vị xuất-gia nào làm cho Phật-Pháp tồn tại và truyền bá ra, gọi là Tổ-Sư.

HỘ-PHÁP: bảo vệ Chánh-Pháp.

THIỆN-THẦN: thần phát thiện tâm, bảo vệ Chánh-Pháp và người thật hành Chánh-Pháp.

THÀNH-GIẢ: thánh là trí vô lậu sáng suốt; thánh giả là những bậc có trí vô lậu sáng suốt ấy.

DIỆU-KHAM-DI-CHỨC: khéo léo đảm đương lời di chúc của Phật. Lời di chúc của Phật là hoằng pháp độ sanh.

TRUYỀN-PHẬT-TÂM-TÔN: thừa truyền tâm ấn của Phật-dà. Tâm ấn tức là tâm pháp (tâm tôn).

BỔ-ĐÃI-HÓA-THƯỢNG: ngài người đời xưa, ở Trung-Hoa. Bình sanh giáo hóa người bằng hạnh hoan hỷ. Hay mang cái dây vải to, tiêu biểu tâm tánh rộng lớn, bao trùm tất cả các pháp, nhân đó người ta gọi là bổ đãi hóa thượng (vị hóa thượng mang dây vải). Không ai rõ tông tích của Ngài. Khi mất, Ngài có để lại bốn câu:

Di lạc thật Di lạc,
Thương hiện cho người đời,
Nhưng người đời đâu biết,
Di lạc thật Di lạc.

Do đó, người ta mới biết Ngài là hóa thân của Đức Di-Lạc và làm tượng thờ. Ngày nay không biết, cứ bảo đó là Đức Di-Lạc.

KHỔ-HẠNH: tu hành khổ sở.

MẬT-TÔN: một bộ phận của Phật-Pháp. Bộ phận này chuyên về chân ngôn, nên gọi là mật-tôn.

HÓA-THÂN: thân hình hóa hiện ra. Tùy ý các loài chúng sinh, Phật-dà và Bồ-tát làm đủ thân hình các loài ấy để giáo hóa, những thân hình ấy gọi là hóa thân.

PHƯƠNG-TIỆN: ở đây nghĩa là phương pháp cứu vớt chúng sinh
DIỆU-ĐỨC: đức tánh vi diệu, cao quý.

PHÁP-THÂN: các pháp tức thân thể, nên gọi là pháp thân.

PHÁP-CỨNG-DƯƠNG: cúng dường nghĩa là phụng sự. Phụng sự các Đức Phật bằng cách thật hành chánh pháp của Phật dạy, nên gọi là pháp cúng dường.

XUẤT-SINH-CHU-PHẬT: nghĩa là đẻ ra các Đức Phật, thành ra các Đức Phật.

(còn nữa)

PHẬT-PHÁP KHÁI-LƯỢC

Chương 1. PHÁP VỚI NGƯỜI GIÁC NGỘ PHÁP CÙNG NGƯỜI THỰC HÀNH PHÁP

Mục lục : a) **Pháp**: *Pháp văn nghĩa — Pháp ý cảnh — Pháp sở y.*

b) **Người giác ngộ pháp (Phật)**: *Giác ngộ thổng khổ, khoái lạc và trung đạo — Chính người thành Phật (tức nhân thành Phật) — Tự giác và giác tha.*

c) **Người thực hành pháp (Tăng)**: *Mục đích sự thiết lập đoàn thể Tăng-Già — Sáu nguyên tắc hòa kính — Sự hòa hợp và lý hòa hợp.*

A. — Pháp

Căn cứ Phật-pháp lưu hành giữa nhân gian thì sánh với Pháp, Phật và Tăng có phần thiết thực và cụ thể hơn. Nhưng Phật-tà chỉ là các đấng giác ngộ và khai sáng Pháp, còn Tăng-già chỉ là đoàn thể phụng trì và thực hành Pháp. Như vậy, Phật-dã và Tăng-già chỉ là những người đã thật hiện và đang thật hiện Pháp, không phải biệt lập ngoài Pháp mà có, nên Pháp mới là trung tâm của Phật-Pháp. Vậy Pháp là gì? Trong kinh luận chữ Pháp được xữ dụng với một phạm vi rất rộng; nếu đem nội dung rộng rãi của Pháp mà phân loại đề qui nạp lại, thì Pháp có thể chia ra ba phần: pháp văn nghĩa, pháp ý cảnh, pháp sở y.

a) **Pháp văn nghĩa** — Sự thuyết pháp của đức Thích-Tôn quan trọng ở âm thanh (thanh), danh từ (danb), sự kết cấu của âm thanh và danh từ (cú), cùng những thứ kết cấu ra 2 thứ ấy (văn) của ngôn ngữ. Đem ngôn ngữ ấy chép thành văn tự là việc sau này. Như vậy ngôn ngữ với văn tự là một loại. Nhưng ngôn ngữ cũng như văn tự ấy đều là phù hiệu của âm thanh và hình tượng nên, như ngôn tay chỉ mặt trăng, tuy không trực tiếp biểu thị được pháp-thể cũng có thể gián tiếp biểu thị pháp-thể ấy được. Bởi vậy, ngôn ngữ văn tự vì biểu thị được Phật-Pháp nên cũng gọi là Pháp. Có điều Pháp như thế chỉ hạn ở sự biểu thị Phật-Pháp mà thôi. Và tự nhiên trong Pháp ấy có hai : thứ nhất, Pháp ấy gồm có cả « văn » năng thuyết và « nghĩa » sở thuyết, nên như Phật đã nói Pháp ta « có văn có nghĩa », hay nói « y cứ vào pháp chứ không y cứ vào người » thì pháp ấy cũng là pháp « có văn nghĩa hai thứ ». Thứ hai, Pháp ấy có trường hợp chỉ chỉ cho « văn » năng thuyết, nên như Phật đã dạy đệ tử của Phật phải biết pháp và biết nghĩa, pháp là 9 loại hay 12 loại khế kinh ; lại như sự kiết tập ở thành Vương-xá trong mùa an-cư đầu tiên sau khi Phật-đà nhập diệt, sự kiết tập ấy cũng gọi là « tập pháp tạng ». Trong phần chỉ « văn » năng thuyết là pháp của Pháp này lại có 2 phần rộng và hẹp ; rộng thì hề văn tự gì biểu thị Phật-pháp đều gọi là Pháp cả (đó là danh từ Pháp thường dùng), hẹp thì do Pháp có hai tính chất chỉ dạy và răn dạy nên hình thành ra sự phân hóa của pháp và luật, người kiết tập do đó kiết tập ra pháp tạng và tỳ nại da tạng (như vậy pháp ở đây chỉ là kinh tạng).

b) Pháp ý cảnh — Pháp ý cảnh thì như Thành-duy-thức luận viết « pháp là qui tri », và giải thích « qui sinh tha giải, nhiệm tri tự tánh ». Theo ý nghĩa đó thì bất cứ là thứ gì mà có tánh tướng đặc biệt của nó và phát khởi sự nhận thức nhất định, tức là pháp. Pháp đó là cảnh sở tri của tâm thức. Nhưng pháp đó có người cho là biệt lập ngoài tâm, như học giả Tiều-thừa; có người chủ trương chỉ do tâm biến hiện, ly khai tâm thức thì không có gì tồn tại hết, như học giả Duy-thức; có người chủ trương pháp ý cảnh tuy không ly khai tâm thức nhưng không phải chỉ do tâm thức, mà là sự tồn tại do sự hóa hợp của nhân duyên năng sở, như học giả Trung-quán. Trong loại pháp ý cảnh này cũng có hai loại: 1) *Riêng biệt*. — Trong đối tượng sở tri của 6 thức, đối tượng của 5 thức trước là sắc, thanh, hương, vị, xúc; còn đối tượng của ý thức là thọ, tưởng, hành, ba thứ này gọi chung là pháp. Thọ là cảm giác, tưởng là nhận thức, hành là ý chí; đó là ba trạng huống tâm lý mà ý thức nội tính giác tri, là trạng thái sai biệt của nội tâm hoạt động. 2) *Tất cả*. — Ý thức không những nhận thức tất cả thọ, tưởng, hành, mà tất cả đối tượng của năm thức trên ý thức cũng biết. Thì chính sự năng tri (sự nhận thức, sự biết) cũng thành sở tri khi ý thức tự biết cái biết của nó. Nên cảnh sở tri bao gồm tất cả, và tất cả đều là sở tri của ý thức, đều là qui sinh tha giải nhiệm tri tự tánh, nói tóm, tất cả đều là pháp, nên trong kinh luận thường gọi bằng từ ngữ « tất cả các pháp ».

(còn nữa)

Cáo Bạch

1) Xin đọc giả chú ý tác phẩm « Tăng bảo » và dịch phẩm « Phật pháp khái lược », vì nguyên văn dài, đề mục nhiều, nên luôn luôn chúng tôi đăng « mục lục » từng phần để đọc giả dễ có nhận thức quán xuyên.

2) « Chương trình diễn giảng tối thiểu » gồm có 8 bài, V.Á. đã đăng 3 bài, còn 5 bài (Đường đi và người dẫn đường, sự thực hành tối thiểu của một Phật-tử, sự sinh hoạt hằng ngày của đời sống ý nghĩa, một bồn phận thiêng liêng và cấp bách, một viễn ảnh không xa) thì đình chỉ vì đã ấn hành thành sách đủ cả 8 bài, mệnh danh là « Diễn giảng Phật Pháp (chương trình tối thiểu) ».

3) Thay thế chương trình diễn giảng tối thiểu, V.Á. bắt đầu biên tập một chương trình diễn giảng khác, mệnh danh là « Diễn giảng Phật Pháp (chương trình sơ cấp) ».

4) Kinh Thắng - Mang sắp hết. Từ số 124 sắp đi, sẽ đăng bộ kinh Tam Bảo (cả dịch và giải) mà bắt đầu là kinh Di-Đà. Ngoài ra không có gì thay đổi.

VIÊN - ÂM

Kiểm-duyet số 176 ngày 30-3-53. Nhà in Khánh Quỳnh Huế

Giá : 5\$00